ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 254 /BC-UBND	*Việt Yên, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện dự toán NSNN xã Việt Yên 6 tháng đầu năm 2026; Nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

Thực hiện quyết định số 2169/QĐ – UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026 cho xã Việt Yên; Các Nghị quyết số 24, 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Việt Yên về dự toán ngân sách nhà nước xã Việt Yên năm 2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Việt Yên. UBND xã Việt Yên báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

Phần I. Tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2026

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 6 tháng đầu năm 2026

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2026 kế hoạch tỉnh giao 489.946 triệu đồng, kế hoạch của HĐND xã giao 709.946 triệu đồng, ước thực hiện 905.152 triệu đồng (giao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) ước đạt 185% so với kế hoạch của tỉnh giao và ước đạt 127% so với kế hoạch của HĐND xã giao. Thu ngân sách xã kế hoạch HĐND xã giao 544.286 triệu đồng, ước thực hiện 645.423 triệu đồng ước đạt 119% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

1. Các khoản thu ngân sách nhà nước.

Trên địa bàn xã ước thực hiện 430.275 triệu đồng; ước đạt 161% so với kế hoạch của tỉnh giao, ước đạt 88% so với kế hoạch của HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện 170.547 triệu đồng, ước đạt 53% so với kế hoạch của HĐND xã giao. Trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo: ước thực hiện 65 triệu đồng.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 16 triệu đồng.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước thực hiện 140.605 triệu đồng ước đạt 4687% so với kế hoạch của tỉnh giao và HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện 1.469 triệu đồng ước đạt 49% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

- Thuế thu nhập cá nhân ước thực hiện 11.705 triệu đồng ước đạt 126% so với kế hoạch của tỉnh giao và HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện

1.484 triệu đồng ước đạt 48% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

- Lệ phí trước bạ ước thực hiện 11.210 triệu đồng ước đạt 49% so với kế hoạch của tỉnh giao và HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện 4.314 triệu đồng ước đạt 58% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

- Các loại phí, lệ phí ước thực hiện 363 triệu đồng, ước đạt 727 % so với kế hoạch của tỉnh và HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện 168 triệu đồng, ước đạt 336 % so với kế hoạch của HĐND xã giao.

- Các khoản thu về đất ước thực hiện 263.740 triệu đồng ước đạt 114% so với kế hoạch của tỉnh giao, đạt 58% so với kế hoạch của HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước đạt 161.158 triệu đồng ước đạt 52% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

- Thu khác ngân sách ước thực hiện 1.532 triệu đồng ước đạt 1135% so với kế hoạch của tỉnh giao và HĐND xã giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện 915 triệu đồng, ước đạt 678% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác ước thực hiện 1.039 triệu đồng ước đạt 162 % so với kế hoạch của tỉnh giao. Thu ngân sách xã ước thực hiện 1.039 triệu đồng ước đạt 162% so với kế hoạch của HĐND xã giao.

2. Thu chuyển giao ngân sách (Các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên).

Ước thực hiện 95.612 triệu đồng; ước đạt 43% so với kế hoạch của tỉnh giao và HĐND xã giao.

3. Thu chuyển nguồn: ước thực hiện 93.384 triệu đồng.

4. Thu kết dư ngân sách năm trước: ước thực hiện 285.881 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN 6 tháng đầu năm 2026

Tổng chi ngân sách xã kế hoạch tỉnh giao 394.686 triệu đồng, kế hoạch HĐND xã giao 544.286 triệu đồng; ước thực hiện 167.516 triệu đồng, ước đạt 42% so với kế hoạch của tỉnh giao, ước đạt 31 % kế hoạch HĐND xã giao.

1. Chi Đầu tư xây dựng cơ bản.

- Ước thực hiện chi đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn NS xã 81.175 triệu đồng ước đạt 52% so với kế hoạch của tỉnh giao, ước đạt 27% kế hoạch HĐND xã giao. Trong đó:

+ Năm 2026 phân bổ vốn đầu tư công ngân sách xã cho các công trình, dự án với tổng kế hoạch giao là 306.000 triệu đồng; ước giải ngân 81.175 triệu đồng (bao gồm cả chuyển nguồn tạm ứng từ năm 2025 sang năm 2026) đạt 27% kế hoạch giao.

2. Chi thường xuyên: Kế hoạch giao 185.535 triệu đồng, ước thực hiện 86.340 triệu đồng, đạt 47% kế hoạch của tỉnh và HĐND xã giao. Trong đó:

- Chi Quốc phòng ước thực hiện 1.478 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch.

- Chi An ninh và trật tự, an toàn xã hội ước thực hiện 0 đồng, đạt 0% kế hoạch.

- Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 34.082 triệu đồng, đạt 33% kế hoạch.

- Chi khoa học, công nghệ đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số ước thực hiện 0 đồng, đạt 0% kế hoạch.

- Chi Y tế, dân số và gia đình ước thực hiện 8.860 triệu đồng, đạt 57% kế hoạch.

- Chi Văn hóa thông tin ước thực hiện 274 triệu đồng, đạt 32% kế hoạch.

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn ước thực hiện 99 triệu đồng, đạt 55% kế hoạch.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao ước thực hiện 600 triệu đồng, đạt 3000% kế hoạch.

- Chi bảo vệ môi trường ước thực hiện 36 triệu đồng, đạt 2% kế hoạch.

- Chi Sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 205 triệu đồng, đạt 4% kế hoạch.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể ước thực hiện 19.991 triệu đồng, đạt 46% kế hoạch.

- Chi Đảm bảo xã hội ước thực hiện 20.715 triệu đồng, đạt 310% kế hoạch.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

III. Đánh giá chỉ đạo điều hành thực hiện thu chi NSNN 6 tháng đầu năm 2026

Thực hiện Nghị quyết của HĐND xã về dự toán ngân sách nhà nước xã Việt Yên năm 2026, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự giám sát của HĐND xã và chỉ đạo, điều hành của UBND xã và sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, tình hình thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt được những kết quả quan trọng, đó là:

- Điều hành ngân sách đảm bảo một số các chỉ tiêu thu ngân sách đã đạt và vượt kế hoạch đề ra như: Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; các loại phí, lệ phí; thu khác ngân sách đã tạo nguồn quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán đã giao và các nhiệm vụ phát sinh; chi ngân sách đảm bảo theo đúng chế độ, tiết kiệm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, điều hành quản lý, sử dụng nguồn dự phòng, đáp ứng kịp thời các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh; các nhiệm vụ chi được bổ sung có mục tiêu, được giao dự toán và thực hiện dự toán theo đúng quy định.

- Công tác kiểm tra, giám sát tài chính được tăng cường và nâng cao; công tác đầu tư XDCB được quản lý, kiểm tra giám sát chặt chẽ, chống thất thoát, lãng phí; huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển đảm bảo đáp ứng nhu

cầu chi và kế hoạch đã đề ra.

- Đối với khoản dự toán chưa phân bổ đầu năm là 5.209 triệu đồng, trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện phân bổ dự toán cho 06 đơn vị với số tiền: 1.978 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách là 6.980 triệu đồng: 6 tháng đầu năm đã thực hiện phân bổ 1.169 triệu đồng để phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Đối với các chỉ tiêu chi dự phòng và chi các khoản chưa phân bổ đầu năm không thể hiện số liệu báo cáo do trong quá trình quản lý, điều hành ngân sách, khoản kinh phí này được cấp cho các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm và được quyết toán chung vào ngân sách của đơn vị dẫn đến một số chỉ tiêu chi cao hơn so với dự toán đầu năm ví dụ như: Chi thể dục thể thao. Bên cạnh đó có các chi tiêu chi cao vượt dự toán chi của HĐND xã phân bổ do có các khoản chi bổ sung mục tiêu của ngân sách cấp trên bổ sung về. ví dụ như chi đảm bảo xã hội, chi quốc phòng.

- Đã thực hiện điều chuyển dự toán chi ngân sách đầu năm từ Văn phòng HĐND và UBND xã số tiền hơn 6.084 triệu đồng cho 02 đơn vị dự toán mới là Ban chỉ huy Quân sự xã và Trạm y tế xã Việt Yên để thực hiện chức năng nhiệm vụ của 01 đơn vị dự toán.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác điều hành, quản lý thu chi ngân sách còn một số khó khăn:

- Đối với chi đầu tư XDCB: tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công các công trình, dự án trên địa bàn gặp nhiều khó khăn vướng mắc; một số dự án còn chậm, và phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch, vị trí phù hợp với những tồn tại cũ; việc giải ngân vốn chưa cao do vướng mắc trong công tác GPMB; giá vật liệu, nhân công thường xuyên biến động và tăng cao dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh phê duyệt lại dự toán làm kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu. Đối với nguồn vốn NS tỉnh, các công trình đã có khối lượng, tuy nhiên không được cấp dự toán, UBND xã đã làm tờ trình đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung.

- Đối với chi thường xuyên: Vẫn còn một số chỉ tiêu chưa chi hoặc chi thấp so với kế hoạch giao: do các đơn vị dự toán chưa triển khai nhiệm vụ hoặc chưa đề nghị rút dự toán ngân sách ví dụ như Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội; chi khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chi giao thông vận tải và các hoạt động kinh tế khác.

Phần II. Nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026

Để hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết của HĐND xã, trong 6 tháng cuối năm, UBND xã tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quản lý, điều hành thu ngân sách nhà nước

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Thuế tỉnh Hưng Yên, Thuế Cơ sở 4 tỉnh

Hưng Yên để rà soát, nắm chắc các nguồn thu trên địa bàn; tập trung đôn đốc thu đối với các chỉ tiêu còn đạt thấp.

- Duy trì, đẩy mạnh và phối hợp với Thuế Cơ sở 4 thực hiện các biện pháp quản lý các khoản lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế GTGT và các loại phí, lệ phí theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu thuế, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng tư nhân; tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế kéo dài.

2. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước

- Thực hiện quản lý chi NSNN nghiêm túc theo dự toán được duyệt; tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 135/NQ - CP ngày 22/5/2026 về phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026 , cắt giảm các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, hạn chế tối đa chi hội nghị, khánh tiết; Tập trung các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhiệm vụ an sinh xã hội và các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp các nhiệm vụ chi đã được HĐND xã phân bổ dự toán đầu năm 2026 của các đơn vị dự toán.

- Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách tại các đơn vị dự toán cấp I, đảm bảo tính công khai, minh bạch và đúng chế độ.

- Quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng ngân sách xã để chủ động ứng phó kịp thời với các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách phát sinh như phòng chống thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chính trị quan trọng khác.

3. Công tác giải ngân vốn đầu tư công

3.1. Đối với giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn NS xã

- Tập trung công tác GPMB, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để tuyên truyền, vận động nhân dân đồng thuận, bàn giao mặt bằng đúng tiến độ cho các công trình, dự án.

- Kịp thời phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết các vướng mắc về nguồn gốc đất đai, giá đền bù khi GPMB.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, đôn đốc các nhà thầu tập trung nhân lực, vật lực để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp và công trình mới khởi công khi đã có mặt bằng.

- Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành để làm thủ tục giải ngân ngay, không để dồn vốn vào cuối năm.

- Chủ động phối hợp với các đơn vị tư vấn, cơ quan chuyên môn cập nhật kịp thời chỉ số giá, hướng dẫn của cấp trên để hoàn thiện việc điều chỉnh, phê duyệt lại dự toán (đối với các dự án bị ảnh hưởng bởi giá vật liệu, nhân công tăng), sớm hoàn thành lựa chọn nhà thầu.

3.2. Đối với giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn NS cấp trên

- Chủ động, tích cực làm việc với UBND tỉnh, các sở, ban, ngành của tỉnh để đôn đốc, sớm có quyết định điều chỉnh, bổ sung dự toán đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh cho các công trình đã có khối lượng thi công.

- Tiếp tục lồng ghép hiệu quả nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn lực hợp pháp khác trong nhân dân để đầu tư đồng bộ hạ tầng nông thôn.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán Ngân sách nhà nước xã Việt Yên 6 tháng đầu năm 2026; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026, UBND xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy xã
- Ban TV Đảng ủy xã;
- Ban Chấp hành Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Các ông bà ĐBHĐND xã
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dũng

Biểu số 01

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

"Kèm theo báo cáo số 254/BC-UBND ngày 08/06/2026 của UBND xã Việt Yên"

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2026 (Tỉnh giao)		Dự toán 2026 (HĐND xã giao)		Số thực hiện thu					SS % (NSNN) TH/DT(cấp trên giao)	SS % (NSNN) TH/DT(HĐND xã giao)	SS % (NS xã) TH/DT(HĐND xã giao)
									Chia ra				
		NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	NSNN	NSTW	NSĐP	NS Tỉnh	NS Xã			
A	B	1	2	3	4	5= 6+7	6	7 = 8 + 9	8	11	12 = 5/1	13=5/3	14=11/4
	TỔNG SỐ	**489.946**	**394.686**	**709.946**	**544.286**	**905.152**	**39.894**	**865.258**	**219.834**	**645.423**	**185%**	**127%**	**119%**
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**267.168**	**171.908**	**487.168**	**321.508**	**430.275**	**39.894**	**390.381**	**219.834**	**170.547**	**161%**	**88%**	**53%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo					65		65	65				
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý												
1.1.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước												
1.2	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý					65		65	65				
1.2.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước					36		36	36				
1.2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp					29		29	29				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					16		16	16				
2.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước					16		16	16				
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp												
2.3	Thuế tài nguyên												
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.000	3.000	3.000	3.000	140.605		140.605	139.136	1.469	4687%	4687%	49%
3.1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	3.000	3.000	3.000	3.000	55.891		55.891	54.440	1.452	1863%	1863%	48%
3.2	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước					17		17		17			
3.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp					84.594		84.594	84.594				
3.4	Thuế tài nguyên					103		103	103				
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.300	3.060	9.300	3.060	11.705		11.705	10.221	1.484	126%	126%	48%
6	Lệ phí trước bạ	22.800	7.380	22.800	7.380	11.210		11.210	6.896	4.314	49%	49%	58%
7	Các loại phí, lệ phí	50	50	50	50	363	157	207	39	168	727%	727%	**336%**
7.1	Thu phí, lệ phí trung ương					157	157						
7.2	Thu phí, lệ phí tỉnh					22		22	22				
7.3	Thu phí, lệ phí xã	50	50	50	50	185		185	17	168	369%	369%	**336%**
8	Các khoản thu về nhà, đất	231.240	157.640	451.240	307.240	263.740	39.523	224.218	63.060	161.158	114%	58%	**52%**

8.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.240	1.240	1.240	1.240	257		257		257	21%	21%	21%
8.2	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					3.006	451	2.555	2.555				-
8.4	Thu tiền sử dụng đất	230.000	156.400	450.000	306.000	260.477	39.072	221.406	60.504	160.901	113%	58%	53%
9	Thu khác ngân sách	135	135	135	135	1.532	215	1.317	402	915	1135%	1135%	**678%**
9.1	Thu tiền phạt					554	180	374	70	304			
	- Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông												
	- Phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện					180	*180*						
9.2	Thu tịch thu					54		54		54			
9.3	Thu khác còn lại	135	135	135	135	676	4	672	332	340			**252%**
	-Trong đó: Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa					*77*		*77*	*77*				
9.4	Thu hồi các khoản chi năm trước					248	31	218		218			
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	643	643	643	643	1.039		1.039		1.039	162%	162%	162%
B	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**222.778**	**222.778**	**222.778**	**222.778**	**95.612**		**95.612**		**95.612**	**43%**	**43%**	**43%**
1	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**222.778**	**222.778**	**222.778**	**222.778**	**95.612**		**95.612**		**95.612**	**43%**	**43%**	**43%**
1	Bổ sung cân đối	177.007	177.007	177.007	177.007	44.250		44.250		44.250	25%	25%	25%
2	Bổ sung có mục tiêu	45.771	45.771	45.771	45.771	51.362		51.362		51.362	112%	112%	112%
2.1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước	45.771	45.771	45.771	45.771	51.362		51.362		51.362	112%	112%	112%
C	**THU CHUYỂN NGUỒN**					**93.384**		**93.384**		**93.384**			
D	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**					**285.881**		**285.881**		**285.881**			

Biểu số 02

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

"Kèm theo Báo cáo số 234/BC-UBND ngày 08/6/2026 của UBND xã Việt Yên"

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2026 (Tỉnh giao)		Dự toán 2026 (HĐND giao)		Số thực hiện chi				So sánh TH/DT NSX (Tỉnh giao)	So sánh TH/DT NSX (HĐND giao)
		NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	Chia ra			
								NS Tỉnh	NS Xã		
A	B	1	2	3	4	5	7	8	10	11=10/1	12=10/3
	TỔNG SỐ	**394.686**	**394.686**	**544.286**	**544.286**	**263.128**	**263.128**	**95.612**	**167.516**	**42%**	**31%**
A	**CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**348.915**	**348.915**	**498.515**	**498.515**	**167.516**	**167.516**		**167.516**	**48%**	**34%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**156.400**	**156.400**	**306.000**	**306.000**	**81.175**	**81.175**		**81.175**	**52%**	**27%**
1	*Đầu tư cho các DA theo các lĩnh vực*	*156.400*	*156.400*	*306.000*	*306.000*	*81.175*	*81.175*		*81.175*	**52%**	**27%**
1.1	Chi quốc phòng										
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội										
1.3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					19.270	19.270		19.270		
1.4	Chi khoa học, công nghệ										
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình					9.498	9.498		9.498		
1.6	Chi văn hoá thông tin										
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn										
1.8	Chi thể dục thể thao										
1.9	Chi bảo vệ môi trường										
1.10	Chi các hoạt động kinh tế, (trong đó)					52.299	52.299		52.299		
1.10.1	Chi giao thông vận tải					37.844	37.844		37.844		
1.10.2	Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản										
1.10.3	Chi kiến thiết thị chính					14.454	14.454		14.454		
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể					109	109		109		
1.12	Chi bảo đảm xã hội										
1.13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật										
II	**Chi thường xuyên theo lĩnh vực**	**185.535**	**185.535**	**185.535**	**185.535**	**86.340**	**86.340**		**86.340**	**47%**	**47%**
1	Chi quốc phòng			1.494	1.494	1.478	1.478		1.478		99%
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội			231	231						0%
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề			102.630	102.630	34.082	34.082		34.082		33%
4	Chi khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			763	763						0%
5	Chi y tế, dân số và gia đình			15.466	15.466	8.860	8.860		8.860		57%
6	Chi văn hoá thông tin			867	867	274	274		274		32%
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			180	180	99	99		99		55%
8	Chi thể dục thể thao			20	20	600	600		600		3000%
9	Chi bảo vệ môi trường			2.072	2.072	36	36		36		2%
10	Chi các hoạt động kinh tế			4.705	4.705	205	205		205		4%
10.1	*Chi giao thông vận tải*			*1.655*	*1.655*						0%
10.2	*Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản*			*1.442*	*1.442*	*37*	*37*		*37*		3%
10.3	*Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính*			*700*	*700*	*138*	*138*		*138*		20%
10.4	*Chi sự nghiệp kinh tế khác*			*908*	*908*	*30*	*30*		*30*		3%
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			43.161	43.161	19.991	19.991		19.991		46%
11.1	*Quản lý Nhà nước (VP HĐND- UBND, phòng kinh tế, phòng văn hóa trung tâm phục vụ hành chính công)*			*25.318*	*25.318*	11.504	11.504		*11.504*		45%
11.2	*Đảng Cộng sản Việt Nam*			*10.914*	*10.914*	4.576	4.576		*4.576*		42%

STT	Chỉ tiêu	(Tỉnh giao)		Dự toán 2026 (HĐND giao)		Số thực hiện chi				So sánh TH/DT NSX (Tỉnh giao)	So sánh TH/DT NSX (HĐND giao)
		NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	NSNN	NSĐP	Chia ra			
								NS Tỉnh	NS Xã		
A	B	1	2	3	4	5	7	8	10	11=10/1	12=10/3
11.3	*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*			*6.929*	*6.929*	3.910	3.910		*3.910*		56%
12	Chi đảm bảo xã hội			6.685	6.685	20.715	20.715		20.715		310%
13	Kinh phí hoạt động chưa phân bổ			5.209	5.209						
14	Tiết kiệm tạo nguồn làm lương			2.052	2.052						
III	**Dự phòng**										
B	**CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**6.980**	**6.980**	**6.980**	**6.980**						
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	45.771	45.771	45.771	45.771	**95.612**	**95.612**	**95.612**			
1.1	Bổ sung cân đối	45.771	45.771	45.771	45.771	95.612	95.612	95.612			
1.2	Bổ sung có mục tiêu					44.250	44.250	44.250			
		45.771	45.771	45.771	45.771	51.362	51.362	51.362			